

BẢNG II

TỬ

Số người chết trước ngày 1-1-1957 đã đăng ký trong tháng			Số người chết từ ngày 1-1-1957 đến bây giờ đã đăng ký trong tháng			Số trẻ em trên dưới một tuổi chết đã đăng ký trong tháng	Tổng số ngoại kiều chết đã đăng ký
Nam	Nữ	Cộng	Nam	Nữ	Cộng		
1	2	3	4	5	6	7	8

BẢNG III

KẾT HÔN

SỐ VIỆC KẾT HÔN ĐÃ ĐĂNG KÝ TRONG THÁNG			
Việt-nam kết hôn với Việt nam	Việt nam kết hôn với ngoại kiều	Ngoại kiều kết hôn với ngoại kiều	CỘNG
1	2	3	4

Số gửi đi
 Ngày . . . tháng . . . năm 1957
 Ủy ban Hành chính.
 Ký tên đóng dấu

CHÚ THÍCH :

BẢNG I. — SINH :

Cột 3 : Xem trong sổ khai sinh hàng tháng có bao nhiêu việc sinh tuy là mới đăng ký trong tháng (kể cả đăng ký đúng hạn và đăng ký quá hạn), nhưng mà ngày sinh lại xảy ra trước 1-1-1957 thì ghi vào cột 3 này sau khi đã phân biệt bao nhiêu Nam, bao nhiêu Nữ ghi ở cột 1 và cột 2.

Cột 6 : Xem trong sổ khai sinh hàng tháng có bao nhiêu việc Sinh, tuy là mới đăng ký trong tháng nhưng mà ngày sinh lại xảy ra từ 1-1-1957 trở lại đây thì ghi vào cột 6 này.

Mục đích phân biệt ngày sinh khác nhau lấy theo tiêu chuẩn về thời gian trước và sau 1-1-1957 là để cuối năm có thể biết được đích xác trong tổng số việc đăng ký về sinh hàng tháng và cả năm thực chất đã sinh thêm được bao nhiêu trẻ em trong cả năm.

— Đem cộng cột 3 và cột 6 sẽ thấy được tổng số việc sinh đã đăng ký vào sổ. Đem cột 6 của bảng I về Sinh đối chiếu so sánh với cột 6 của bảng II về Tử sẽ thấy được con số tăng giảm trong dân số qua việc đăng ký Sinh và Tử.

BẢNG II. — TỬ :

Cột 3 : Xem trong sổ khai tử hàng tháng có bao nhiêu người chết kể từ ngày 1-1-1957 trở về trước nay mới xin đăng ký trong tháng này thì ghi vào cột 3 này.

Cột 6 : Xem trong sổ khai tử hàng tháng có bao nhiêu người chết từ ngày 1-1-1957 trở lại đây thì ghi vào cột 6 này.

Cột 7 : Thống kê cột này để thấy được nạn trẻ chết yểu tăng giảm thế nào; số trẻ này đã thống kê trong tổng số ở các cột 3 và cột 6 này tách ra thời.

HỆ THỐNG VÀ THỜI GIAN GỬI BÁO CÁO

1. — Ở xã, khu phố gửi lên Quận hoặc thị xã có khu phố: từ mùng 1 đến mùng 5 đầu tháng.

2. — Quận, Thị xã có khu phố đức kết báo cáo rồi gửi lên thành phố, tỉnh, hay đặc khu: từ mùng 6 đến mùng 10.

3. — Thị xã không có khu phố gửi lên tỉnh, Khu tự trị hay đặc khu từ mùng 1 đến mùng 5 đầu tháng.

4. — Tỉnh, Khu tự trị, đặc khu, thành phố đức kết báo cáo gửi lên Bộ Nội vụ: từ ngày 11 đến ngày 15 (Ủy ban tỉnh khi gửi báo cáo lên Bộ nhớ sao một bản gửi lên Liên khu, Khu).

5. — Đối với 6 tháng đầu năm 1957 thì làm chung vào một báo cáo, nhận được chỉ thị của trên thì làm ngay và gửi ngay.

6. — Từ tháng 7 trở đi mỗi tháng làm một báo cáo riêng, đầu tháng 8 thì làm báo cáo cho các việc đã đăng ký trong tháng 7, đầu tháng 9 thì làm báo cáo cho các việc đã đăng ký trong tháng 8, dần dần cho đến hết tháng 12; cuối năm 1957 không cần làm một báo cáo tổng hợp cho cả 12 tháng năm 1957 nữa.

CHỈ THỊ số 4343-HTTK ngày 7-8-1957 về việc xét các đơn xin thay đổi họ tên.

BỘ NỘI VỤ

Kính gửi: Ủy ban Hành chính Liên khu 3, 4, Khu Tả ngạn, Khu Hồng quang, Khu Tự trị Thái — Mèo, Khu Tự trị Việt bắc, Ban Cán sự Hành chính Lao — Hà — Yên, Ủy ban Hành chính thành phố Hà-nội, Hải-phong, Nam-định, các lĩnh Phú-thọ, Vĩnh-phúc, Bắc-ninh, Bắc-giang, Hải-ninh, Khu Vĩnh-linh.

Về việc xin thay đổi họ tên, thông tư liên bộ số 9-NV/5TT ngày 19-3-1951 đã quy định những cấp nào có thẩm quyền giải quyết những thư đơn này và đã nhấn mạnh rằng phải rất dè dặt trong khi giải quyết: chỉ những đơn có lý do thực xác đáng mới được chấp nhận.

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-9389155664

Trong thời kỳ kháng chiến, những đơn xin thay đổi họ tên rất ít; nhưng từ ngày hòa bình lập lại, số những đơn xin này tăng lên khá nhiều, hầu hết là do cán bộ và sinh viên xin. Những lý do trình bày trong các đơn này rất là phức tạp và thường thường là không được chấp đáng lắm, ví dụ như: trùng tên với người trong họ, với các tên phản động; tên xấu xí; tên tuy không xấu nhưng anh em chúng bạn cũng cố xoay ra thành buồn cười dễ chế riễu; cũng có người muốn chọn đổi lấy một tên kêu hơn, «xinh đẹp» hơn, v.v...

Ngoài việc muốn thay đổi họ tên cần phải có những lý do xác đáng, Bộ nhận thấy là đối với cán bộ, việc thay đổi họ tên không thể không gây trở ngại ít nhiều về mặt quản lý cán bộ, đối với người thường cũng có ảnh hưởng về mặt quản lý họ khẩu, về mặt trị an ninh chung.

Vì vậy Bộ thấy cần phải chặt chẽ thận trọng trong việc cho phép thay đổi họ tên và theo tinh thần đó, đặt ra một số tiêu chuẩn dưới đây để làm căn cứ giải quyết, và do đó sự giải quyết của Bộ cũng như của các địa phương sẽ được thống nhất hơn:

Tên trùng với tên của ông bà nội ngoại, của cha mẹ hai bên vợ chồng;

Tên thô tục, bần thiêu quá, đọc lên ngượng miệng, trái tai;

Bỏ họ tên của cha mẹ nuôi đặt cho và lấy lại họ tên của cha mẹ đẻ đặt từ lúc bé, khi thôi không làm con nuôi nữa;

Bỏ họ tên đã dùng trong khi công tác bí mật hồi kháng chiến, lấy lại họ tên cũ để tiện liên lạc với gia đình bằng hữu; hoặc ngược lại, bỏ họ tên lúc còn nhỏ, lấy họ tên hoặc bí danh biệt hiệu đã dùng quen trong thời kháng chiến để kỷ niệm đời chiến đấu của mình và cũng để tiện trong việc giao dịch với cơ quan đơn vị mình có quan hệ công tác.

Ngoài bốn trường hợp đặc biệt nói trên, nếu còn có trường hợp nào khác cũng quan trọng trong dựng như thế, mà các địa phương xét cần được chiếu cố thì cần hỏi ý kiến của Bộ trước khi quyết định cho phép.

Trường hợp trong đơn xin thay đổi họ tên có thêm xin sửa chữa tuổi nữa, thì đối với việc xin sửa chữa tuổi, cần hỏi ý kiến của Bộ trước đây vì đây là một vấn đề mới khá phức tạp, Bộ còn theo dõi trong một thời gian để nắm tình hình nghiên cứu kỹ và có chủ trương chung về sau.

Vấn đề xét đơn xin thay đổi họ tên của Hoa kiều sẽ giải quyết giống như đối với nhân dân Việt nam theo tinh thần của công văn số 3031/HTKK

ngày 7-6-1957 của Bộ gửi cho thành phố Hải-phòng. Đối với việc xin thay đổi họ tên của ngoại kiều khác, Bộ sẽ nghiên cứu thêm và có chỉ thị sau.

Hà Nội, ngày 7 tháng 8 năm 1957
T. L. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
K.T. Giám đốc Vụ Dân chính
Phó Giám đốc
DIỆP BA

THÔNG TƯ số 37-NV/TT ngày 24-10-1957 về trợ cấp thôi việc.

Sau khi học tập chính sách sản xuất tiết kiệm và phục hồi kinh tế của Chính phủ, cán bộ nhân viên nói chung nhận rõ tầm quan trọng của chính sách đó, thấm nhuần công tác lao động là vinh quang. Để làm giảm nhẹ sự khó khăn về tài chính của Chính phủ và đẩy mạnh tinh thần tự lực cánh sinh góp phần vào việc xây dựng kinh tế Nhà nước, một số cán bộ, nhân viên có cơ sở và khả năng sản xuất đã xin thôi việc trở về tự lực.

Các cơ quan địa phương và trung ương giải quyết trợ cấp mỗi nơi một khác; do đó có một số cán bộ, nhân viên đã thôi việc rồi lại gửi đơn đề nghị xét lại.

Để được thống nhất cách giải quyết, sau khi được Thủ tướng phủ đồng ý, Bộ Nội vụ tạm thời ra văn bản về trợ cấp thôi việc cho cán bộ nhân viên như sau:

1) Cán bộ, nhân viên thôi việc không phân biệt vì lý do gì (trừ trường hợp bị kỷ luật nặng) phải đưa ra khỏi cơ quan như cách chức, bãi chức) đều được xét theo năm làm việc từ ngày chính thức thoát ly sản xuất được tuyển dụng vào biên chế Nhà nước từ cấp huyện trở lên, mỗi năm trợ cấp một tháng lương và phụ cấp gia đình. Số tiền trợ cấp này không quá sáu tháng. Ngày tháng tính trên ba tháng tính 1/2 năm và trên chín tháng tính một năm.

2) Được trợ cấp tiền tàu xe, tiền đi đường từ cơ quan về đến nơi trú quán của dương sự; nếu có gia đình đi theo thì cũng được trợ cấp tiền tàu xe (gia đình gồm có vợ, chồng, con, bố mẹ để cùng sống chung).

3) Đối với một số cán bộ, nhân viên làm việc lâu năm xin thôi việc từ tháng 6-1957, nếu cơ quan nào mới cấp cho dương sự từ một đến ba tháng nay họ đề nghị xét lại thì cơ quan nên xét theo năm làm việc mà trợ cấp thêm cho đến mức tối đa là sáu tháng lương và phụ cấp gia đình. Không được truy lĩnh tiền tàu, xe cho gia đình nếu trước đây không cấp.